

## **Phần thứ hai. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC MÔN NGỮ VĂN**

### **I. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **1. Mục tiêu chung**

Hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HV khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp HV phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HV phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

Giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở THCS; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở trung học cơ sở với các yêu cầu cần đạt cao hơn: đọc hiểu được cả nội dung tường minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; vận dụng được các kiến thức về đặc điểm ngôn từ văn học, các xu hướng – trào lưu văn học, phong cách tác giả, tác phẩm, các yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản để hình thành năng lực đọc độc lập. Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh tổng hợp (kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận),

đúng quy trình, có chủ kiến, đảm bảo logic và có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được tác phẩm văn học và các tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; phân tích và nhận xét được đặc điểm của ngôn ngữ văn học; phân biệt được cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong văn học; nhận biết và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học dựa vào đặc điểm phong cách văn học; có trí tưởng tượng phong phú, biết thưởng thức, tiếp nhận và đánh giá văn học; tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

## **II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC**

### **1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**

Môn Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học được quy định tại Mục II. Phần thứ nhất về những vấn đề chung về chương trình GDTX cấp THPT.

### **2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù**

Đối với cấp THPT, HV cần đạt được yêu cầu về năng lực đặc thù cụ thể như sau:

#### *a) Năng lực ngôn ngữ*

Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mỹ của các thời kì để hiểu các văn bản khó hơn (thể hiện qua dung lượng, độ phức tạp và yêu cầu đọc hiểu).

Biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, cách viết và kiểu văn bản. HV có cách nhìn, cách nghĩ về con người và cuộc sống theo cảm quan riêng; thấy được vai trò và tác dụng của việc đọc đối với bản thân.

Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh về các đề tài gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp; viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt, kiểu lập luận và yếu tố nghệ thuật; có chủ kiến về một vấn đề xã hội.

Viết được văn bản nghị luận và văn bản thông tin có đề tài tương đối phức tạp; văn bản nghị luận yêu cầu phân tích, đánh giá, so sánh giá trị của tác phẩm văn học; bàn về những vấn đề phù hợp với đối tượng HV, đòi hỏi cấu trúc và kiểu lập luận tương đối phức tạp, bằng chứng cần phải tìm kiếm từ nhiều nguồn; văn bản thuyết minh viết về những vấn đề có tính

khoa học dưới hình thức một báo cáo nghiên cứu đúng quy ước; tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản; thể hiện được một cách nhìn, cách nghĩ, cách sống mang đậm cá tính.

Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; nắm được phương pháp, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận.

#### *b) Năng lực văn học*

Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học. Nhận biết được đặc trưng của hình tượng văn học và một số điểm khác biệt giữa hình tượng văn học với các loại hình tượng nghệ thuật khác (hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc); phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong một văn bản văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, câu chuyện, cốt truyện và cách kể chuyện; nhận biết và phân tích được một số đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn học dân gian, trung đại và hiện đại; phong cách nghệ thuật của một số tác giả, tác phẩm lớn.

Nêu được những nét tổng quát về lịch sử văn học dân tộc (quá trình phát triển, các đề tài và chủ đề lớn, các tác giả, tác phẩm lớn; một số giá trị nội dung và hình thức của văn học dân tộc) và vận dụng vào việc đọc tác phẩm văn học.

Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mỹ.

### **3. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể từng lớp**

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>LỚP 10</b>		
<b>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</b>	<b>ĐỌC</b>	
1. Lỗi dùng từ và cách sửa	<b>ĐỌC HIỂU</b>	
2. Lỗi về trật tự từ và cách sửa	<b>Văn bản văn học</b>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>3.1. Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê: đặc điểm và tác dụng</p> <p>3.2. Lỗi về liên kết đoạn văn và văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa</p> <p>3.3. Kiểu văn bản và thể loại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn bản nghị luận: mục đích, quan điểm của người viết; cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; các yếu tố tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận; bài nghị luận về một vấn đề xã hội; bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; bài nghị luận về bản thân</li> <li>– Văn bản thông tin: sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; sự kết hợp các phương thức biểu đạt; cách đưa tin và quan điểm của người viết; văn bản thuyết minh tổng hợp; nội quy, bản hướng dẫn ở nơi công cộng</li> </ul> <p>3.4. Cách đánh dấu phân bị tình lược</p>	<p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được nội dung bao quát của văn bản; nhận diện và phân tích được ý nghĩa, giá trị của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.</li> <li>– Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>– Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.</li> </ul> <p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</li> <li>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri) điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</li> <li>– Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú</p> <p>4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...</p> <p><b>KIẾN THỨC VĂN HỌC</b></p> <p>1. Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm</p> <p>2.1. Câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ ba (người kể chuyện toàn tri), người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), điểm nhìn trong truyện</p> <p>2.2. Một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại: không gian, thời gian, cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...; giá trị và sức sống của sử thi</p> <p>2.3. Giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố hình thức trong thơ</p> <p>2.4. Một số yếu tố của kịch bản chèo hoặc tuồng dân gian: tính vô danh, đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền,...</p>	<p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.</li> <li>- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.</li> <li>– Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của bản thân; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.</li> </ul> <p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong một năm học, đọc tối thiểu 28 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</li> <li>- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.</li> </ul> <p><b>Văn bản nghị luận</b></p> <p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.</li> <li>– Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.</li> <li>– Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>3.1. Bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội và tác phẩm</p> <p>3.2. Những hiểu biết cơ bản về Nguyễn Trãi giúp cho việc đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của tác gia này</p> <p>3.3. Sự gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau</p> <p>3.4. Tác phẩm văn học và người đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Truyện thơ dân gian, truyện ngắn, tiểu thuyết</li> <li>– Thơ trữ tình</li> <li>– Kịch bản chèo hoặc tuồng</li> </ul> <p>1.2. Văn bản nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghị luận văn học</li> <li>– Nghị luận xã hội</li> </ul> <p>1.3. Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Báo cáo nghiên cứu; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận</li> <li>– Nội quy, văn bản hướng dẫn</li> </ul>	<p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.</li> <li>– Nhận biết được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.</li> </ul> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội</li> <li>– Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.</li> </ul> <p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b><i>Văn bản thông tin</i></b></p> <p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</li> <li>– Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết.</li> </ul> <p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p>	<p>văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản một cách sinh động, hiệu quả.</li> <li>- Nhận biết và phân tích được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.</li> </ul> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <p>Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.</p> <p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 14 văn bản thông tin (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>VIẾT</b></p> <p><b><i>Quy trình viết</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.</li> </ul> <p><b><i>Thực hành viết</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.</li> <li>– Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.</li> <li>– Viết được một bài luận về bản thân.</li> <li>– Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.</li> </ul> <p><b>NÓI VÀ NGHE</b></p> <p><b>Nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.</li> <li>– Trình bày được báo cáo về một kết quả nghiên cứu hay hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Biết giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).</li> </ul> <p><b>Nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.</li> </ul> <p><b>Nói nghe tương tác</b></p> <p>Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.</p>	



Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>LỚP 11</b>		
<p><b>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</b></p> <p>1. Cách giải thích nghĩa của từ</p> <p>2. Lỗi về thành phần câu và cách sửa</p> <p>3.1. Biện pháp tu từ lập cấu trúc, đối: Đặc điểm và tác dụng</p> <p>3.2. Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng</p> <p>3.3. Kiểu văn bản và thể loại</p> <p>- Văn nghị luận: Mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với các luận đề; sự phù hợp giữa nội dung với nhan đề của văn bản; mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; các yếu tố thuyết minh, tự sự và biểu cảm trong văn bản nghị luận; bài nghị luận về một vấn đề xã hội; bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa, kiến trúc,...)</p> <p>- Văn bản thông tin: Vai trò của các</p>	<p><b>ĐỌC</b></p> <p><b>ĐỌC HIỂU</b></p> <p><b>Văn bản văn học</b></p> <p><b>Đọc hiểu nội dung</b></p> <p>– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản;</p> <p>– Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản</p> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm,...</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>dữ liệu, thông tin trong việc thể hiện ý tưởng, nội dung chính hay thông điệp của văn bản; một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; nhan đề, mục đích và thái độ của người viết văn bản; bài thuyết minh tổng hợp</p> <p>3.4. Cách trình bày tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu</p> <p>4.1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói</p> <p>4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...</p> <p><b>KIẾN THỨC VĂN HỌC</b></p> <p>1.1. Chủ thể sáng tạo, thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản</p> <p>1.2. Văn bản có nhiều chủ đề, chủ đề chính và chủ đề phụ; các chủ đề mang đặc trưng văn hoá dân tộc (tính dân tộc) và các chủ đề mang tính phổ biến trên thế giới (tính nhân loại)</p> <p>1.3. Đặc điểm của ngôn ngữ văn học và tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác</p>	<p>(người kể chuyện hạn tri),...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.</li> <li>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện,...</li> <li>– Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.</li> </ul> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.</li> <li>– Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.</li> </ul> <p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 28 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.</p> <p><b>Văn bản nghị luận</b></p> <p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>phẩm văn học</p> <p>2.1. Đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm, truyện ngắn hiện đại, bi kịch, kí</p> <p>– Một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ,...</p> <p>– Truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn và sự thay đổi điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>– Bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...</p> <p>– Sự kết hợp hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí</p> <p>– Tuỳ bút hoặc tản văn: cái tôi trữ tình, kết cấu, ngôn ngữ,...</p> <p>2.2. Xung đột (mâu thuẫn) bên trong và xung đột bên ngoài</p>	<p>– Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.</p> <p>- Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết.</p> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>– Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết.</p> <p><b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b></p> <p>– Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.</p> <p><b>Đọc mở rộng</b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>Văn bản thông tin</b></p> <p><b>Đọc hiểu nội dung</b></p> <p>– Suy luận và phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</p> <p>– Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>2.3. Ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ</p> <p>2.4. Vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố hình thức trong thơ: ngôn từ, câu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trên văn bản</p> <p>3.1. Cách so sánh hai văn bản văn học viết về cùng một đề tài</p> <p>3.2. Những hiểu biết cơ bản về Nguyễn Du giúp cho việc đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của ông</p> <p>3.3. Quan điểm của người viết và quan điểm của người đọc</p> <p><b>NGŨ LIỆU</b></p> <p>1.1. Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử thi, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại</li> <li>– Thơ, truyện thơ Nôm</li> <li>– Bi kịch</li> <li>– Truyện kí, tùy bút hoặc tản văn</li> </ul> <p>1.2. Văn nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghị luận xã hội</li> </ul>	<p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.</li> <li>– Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.</li> </ul> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <p>Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.</p> <p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 14 văn bản thông tin (bao gồm cả một số văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>VIẾT</b></p> <p><b><i>Quy trình viết</i></b></p> <p>Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.</p> <p><b><i>Thực hành viết</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có mở đầu và kết thúc; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.</li> <li>– Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng; nêu và nhận xét về nội dung, một</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>– Nghị luận văn học</p> <p>1.3. Văn bản thông tin</p> <p>- Bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu</p> <p>2. Gọi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p>	<p>số nét nghệ thuật đặc sắc.</p> <p>– Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</p> <p>- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.</p> <p><b>NÓI VÀ NGHE</b></p> <p><b>Nói</b></p> <p>– Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội; kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.</p> <p>– Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (ví dụ: tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội họa).</p> <p>- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm.</p> <p><b>Nghe</b></p> <p>Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.</p> <p><b>Nói nghe tương tác</b></p> <p>Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hóa.</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>LỚP 12</b>		
<p><b>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</b></p> <p>1. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt</p> <p>2. Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa</p> <p>3.1. Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng</p> <p>3.2. Kiểu văn bản và thể loại</p> <p>– Văn bản nghị luận: vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; mục đích, tình cảm và quan điểm của người viết; các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm; bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội; bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến giới trẻ; bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học cùng hoặc khác về thể loại</p>	<p><b>ĐỌC</b></p> <p><b>ĐỌC HIỂU</b></p> <p><b>Văn bản văn học</b></p> <p><b>Đọc hiểu nội dung</b></p> <p>– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>– Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.</p> <p>– Phân tích được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm</p> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>– Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại, hậu hiện đại) như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>– Văn bản thông tin: giá trị của đề tài, thông tin chính của văn bản; các loại dữ liệu và độ tin cậy của dữ liệu; thu trao đổi công việc; báo cáo kết quả của bài tập dự án hay kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội</p> <p>3.3. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu</p> <p>4.1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật: hiểu và vận dụng</p> <p>4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...</p> <p><b>KIẾN THỨC VĂN HỌC</b></p> <p>1.1. Chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn học</p> <p>1.2. Sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo</p> <p>1.3. Một số biểu hiện của phong cách nghệ thuật trong văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại, xu hướng hiện thực và lãng mạn chủ</p>	<p>- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...</p> <p>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí như: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết,...</p> <p><b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b></p> <p>– Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.</p> <p>– Nhận biết được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.</p> <p>–Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.</p> <p>– Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>nghĩa; phong cách nghệ thuật của tác giả</p> <p>2.1. Một số yếu tố của truyện truyền kì, tiểu thuyết (hiện đại và hậu hiện đại), thơ trữ tình hiện đại, hài kịch, kí</p> <p>– Truyện truyền kì: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian</p> <p>– Tiểu thuyết (hiện đại và hậu hiện đại): ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật</p> <p>– Thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực</p> <p>– Hài kịch: ngôn ngữ, nhân vật, tình huống, thủ pháp trào phúng</p> <p>– Phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí: tính phi hư cấu, miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người</p>	<p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <p>– Trong một năm học, đọc tối thiểu 28 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p>– Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.</p> <p><b>Văn bản nghị luận</b></p> <p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <p>– Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng và mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.</p> <p>– Biết tiếp nhận, đánh giá nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích nghị luận</p> <p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <p>– Bước đầu phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích.</p> <p>– Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.</p> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <p>Biết đánh giá văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.</p>	



Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>viết</p> <p>2.2. Diễn biến tâm lí của nhân vật và cách thức thể hiện tâm lí nhân vật của nhà văn</p> <p>2.3. Mối quan hệ của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản</p> <p>3.1. Những hiểu biết cơ bản về Hồ Chí Minh giúp cho việc đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của tác gia này</p> <p>3.2. Sơ giản về lịch sử văn học và vai trò của kiến thức nền về lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản</p> <p><b>NGŨ LIỆU</b></p> <p>1.1. Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Truyện truyền kì, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại</li> <li>– Thơ trữ tình hiện đại</li> <li>– HÀi kịch</li> <li>– Phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí</li> </ul> <p>1.2. Văn nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghị luận xã hội</li> <li>– Nghị luận văn học</li> </ul>	<p><b><i>Đọc mở rộng</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trong một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả một số văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.</li> </ul> <p><b>Văn bản thông tin</b></p> <p><b><i>Đọc hiểu nội dung</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</li> <li>– Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết.</li> </ul> <p><b><i>Đọc hiểu hình thức</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được các nhan đề văn bản khác.</li> <li>– Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.</li> </ul> <p><b><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.</li> <li>– Đánh giá được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<p>1.3. Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận</li> <li>– Báo cáo nghiên cứu, thư trao đổi công việc</li> </ul> <p>2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p>	<p><b>Đọc mở rộng</b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 14 văn bản thông tin (bao gồm cả một số văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>VIẾT</b></p> <p><b>Quy trình viết</b></p> <p>Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.</p> <p><b>Thực hành viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết được một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội; trình bày rõ hệ thống các luận điểm; có mở đầu và kết thúc; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; biết đặt ra các ý kiến phản bác để trao đổi, tranh luận lại; sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm.</li> <li>– Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.</li> <li>– Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.</li> <li>– Viết được văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.</li> <li>- Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án hay kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<p><b>NÓI VÀ NGHE</b></p> <p><i>Nói</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.</li> <li>– Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.</li> <li>– Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.</li> </ul> <p><i>Nghe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình. Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình. Đặt được câu hỏi về những điểm cần làm rõ và trao đổi về những điểm có ý kiến khác biệt.</li> </ul> <p><i>Nói nghe tương tác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tranh luận được một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau; tôn trọng người đối diện.</li> <li>– Thể hiện được thái độ cầu thị khi thảo luận, tranh luận và biết điều chỉnh ý kiến khi cần thiết để tìm giải pháp trong các cuộc thảo luận, tranh luận.</li> </ul>	

## CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>LỚP 10</b>		
<b>Chuyên đề 10.1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN</b>		
1. Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian 2. Cách viết một báo cáo nghiên cứu 3. Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học dân gian 4. Yêu cầu của việc tổ chức thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.</li> <li>– Nhận biết được cách viết một báo cáo nghiên cứu.</li> <li>– Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.</li> <li>– Biết thuyết trình một vấn đề của văn học dân gian</li> </ul>	
<b>Chuyên đề 10.2. SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC</b>		
1. Tác phẩm văn học và sân khấu hoá tác phẩm văn học 2. Quy trình tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học 3. Cách nhập vai, diễn xuất, thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học 4. Ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ (đa phương thức) trong văn bản sân khấu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.</li> <li>– Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.</li> <li>– Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.</li> <li>– Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ trong văn bản sân khấu.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>Chuyên đề 10.3. ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT</b>		
1. Phương pháp đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết 2. Cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết 3. Yêu cầu của việc trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.</li> <li>– Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.</li> <li>– Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.</li> </ul>	
<b>LỚP 11</b>		
<b>Chuyên đề 11.1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM</b>		
1. Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam 2. Cách viết một báo cáo nghiên cứu 3. Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam 4. Yêu cầu của việc thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.</li> <li>– Bước đầu biết viết một báo cáo nghiên cứu.</li> <li>– Bước đầu vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.</li> <li>– Bước đầu biết thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>Chuyên đề 11.2. TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI</b>		
1. Bản chất xã hội – văn hoá của ngôn ngữ 2. Các yếu tố mới của ngôn ngữ: những điểm tích cực và hạn chế 3. Cách vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hoá.</li> <li>– Nhận biết được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.</li> </ul>	
<b>Chuyên đề 11.3. ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC</b>		
1. Khái niệm phong cách nghệ thuật, sự nghiệp văn chương của một tác giả 2. Một số yêu cầu và cách thức đọc một tác giả văn học 3. Cách viết bài giới thiệu về một tác giả văn học 4. Thực hành đọc và viết về một số tác giả văn học lớn 5. Yêu cầu của việc thuyết trình về một tác giả văn học	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.</li> <li>– Biết cách đọc một tác giả văn học lớn.</li> <li>– Bước đầu biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc.</li> <li>– Bước đầu vận dụng được những hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác.</li> <li>– Bước đầu biết thuyết trình về một tác giả văn học.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
<b>LỚP 12</b>		
<b>Chuyên đề 12.1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI</b>		
<p>1. Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>2. Cách viết một báo cáo nghiên cứu về đề văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>3. Một số vấn đề có thể nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>4. Cách đọc văn bản văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>5. Yêu cầu của việc thuyết trình một vấn đề của văn học Việt Nam hiện đại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng một số yêu cầu và cách thức nghiên cứu khoa học để tiến hành nghiên cứu một vấn đề văn học Việt Nam hiện đại.</li> <li>- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học Việt Nam hiện đại.</li> <li>- Hiểu và vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết bài nghị luận hoặc thuyết minh, giới thiệu về văn học Việt Nam hiện đại.</li> <li>- Thuyết trình được một vấn đề của văn học Việt Nam hiện đại đã tìm hiểu.</li> </ul>	
<b>Chuyên đề 12.2. TÌM HIỂU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC</b>		
<p>1. Tác phẩm văn học và chuyển thể từ tác phẩm văn học.</p> <p>2. Một số điểm khác biệt giữa nguyên tác (tác phẩm văn học) và tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và trình được khái niệm tác phẩm nghệ thuật chuyển thể.</li> <li>- Biết cách tìm hiểu và giới thiệu được về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.</li> </ul>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
3. Cách chuyển thể một tác phẩm văn học thành kịch bản (sân khấu, điện ảnh), tranh vẽ, bài hát,...	- Nêu được mối quan hệ giữa nguyên tác và tác phẩm được chuyển thể.	
<b>Chuyên đề 12.3. TÌM HIỂU MỘT KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM</b>		
1. Những đặc điểm cơ bản của một khuynh hướng văn học. 2. Cách tìm hiểu một khuynh hướng văn học xuất hiện tại Việt Nam. 3. Các viết bài giới thiệu về một khuynh hướng văn học xuất hiện tại Việt Nam. 4. Yêu cầu của bài thuyết trình về một khuynh hướng văn học xuất hiện tại Việt Nam.	- Hiểu và trình bày được nguồn gốc xuất hiện, một số đặc điểm cơ bản của một khuynh hướng văn học xuất hiện tại Việt Nam. - Vận dụng các yêu cầu và cách thức tìm hiểu một vấn đề văn học để tìm hiểu một trào lưu văn học xuất hiện ở Việt Nam. - Viết được bài về một trào lưu văn học xuất hiện ở Việt Nam. - Thuyết trình giới thiệu được về một khuynh hướng văn học xuất hiện ở Việt Nam.	

### III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

#### 1. Định hướng chung

Chương trình môn Ngữ văn vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hóa; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HV.

Căn cứ vào chương trình, GV chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:



a) Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kỹ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng HV và phân hóa góp phần định hướng nghề nghiệp.

b) Rèn luyện cho HV phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho HV.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HV; dành nhiều thời gian cho HV nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để HV biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV.

## **2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho HV, GV lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm môn Ngữ văn và đặc điểm đối tượng HV GDTX thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mỹ, nhân văn, bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo của HV.

### ***a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu***

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn trực tiếp hình thành và phát triển cho HV các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

– Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

– Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

– Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

– Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

– Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

### ***b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung***

Môn Ngữ văn có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HV trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản.

– Năng lực tự chủ và tự học

Môn Ngữ văn hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để HV học các môn học khác và tự học. HV biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn mang lại cho HV những trải nghiệm phong phú; nhờ đó, HV phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Ngữ văn cũng giúp HV có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác

Môn Ngữ văn là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho HV.

Qua môn Ngữ văn, HV biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn

đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Cũng qua môn Ngữ văn, HV phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hoà hợp và hoá giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Ngữ văn đề cao vai trò của HV với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, HV cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn Ngữ văn, nhất là đọc và viết về văn học, HV có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

## **2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù**

### ***a) Phương pháp dạy đọc***

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp HV biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách HV. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu HV đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho HV tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn HV liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân HV,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- **Dạy đọc hiểu văn bản văn học:** Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, dạy đọc hiểu văn bản văn học cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng, GV tổ chức cho HV tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật. HV cần được hướng dẫn, luyện tập đọc tác phẩm văn học theo quy trình từ tri nhận văn bản ngôn từ đến khám phá thế giới hình tượng nghệ thuật và tìm kiếm, đúc kết nội dung ý nghĩa; kỹ năng tìm kiếm, diễn giải mối quan hệ giữa cái “toàn thể” và chi tiết “bộ phận” của văn bản, phát hiện tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của tác phẩm văn học.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ HV chủ động, tự tin, phát huy vai trò “đồng sáng tạo” trong tiếp nhận tác phẩm; hứng thú tham gia kiến tạo nghĩa cho văn bản; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyên hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, GV chú ý giúp HV tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa, góp phần lấp đầy “khoảng trống” của văn bản. GV có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của HV; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn HV đọc hiểu văn bản, hình thành kỹ năng đọc.

Tùy vào đối tượng HV ở từng lớp học và thể loại của văn bản văn học, GV vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, diễn kịch, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho HV thảo luận về văn bản, chuyển thể tác phẩm văn học từ thể loại này sang thể loại khác, vẽ tranh, làm phim, trải nghiệm những tình huống mà nhân vật đã trải qua,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho HV.

### ***b) Phương pháp dạy viết***

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách cho HV. Vì thế khi dạy viết, GV chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

GV tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HV các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, GV hướng dẫn HV phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp HV xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn HV viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Ở cấp THPT, GV yêu cầu HV thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, GV chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp HV vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, HV còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

GV sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn HV hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HV thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà HV cần thực hiện; yêu cầu HV làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, HV cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

### ***c) Phương pháp dạy nói và nghe***

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp HV có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách HV.

Trong dạy nói, GV hướng dẫn cho HV quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HV thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, GV hướng dẫn HV cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, GV hướng dẫn HV biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho HV. Để tạo điều kiện cho mọi HV được thực hành nói, GV linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp HV nói cho nhau nghe hoặc HV trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho HV thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà GV cung cấp.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

##### **1. Mục tiêu đánh giá**

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

##### **2. Căn cứ đánh giá**

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với HV mỗi lớp học đã quy định trong chương trình.

##### **a) Nội dung đánh giá**

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HV thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu HV hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt kiểu văn bản, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; trả lời

các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản và giữa văn bản với đời sống.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu HV tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu HV nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, yêu cầu HV nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Ngữ văn tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của HV khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét,...

### ***b) Cách thức đánh giá***

Đánh giá gồm: Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HV, việc HV trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết thu hoạch, làm dự án sưu tầm tư liệu, làm bài tập nghiên cứu,...

- Đánh giá định kì được thực hiện ở cuối học kì, cuối cấp học do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận

(câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, cuối cấp học, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của HV, khắc phục tình trạng HV chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

- Việc đánh giá bảo đảm nguyên tắc HV được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính HV; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HV cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

## V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Giải thích thuật ngữ

#### a) Một số thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong chương trình

– *Giao tiếp đa phương thức*: hình thức giao tiếp sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

– *Kiểu văn bản*: các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...

– *Loại văn bản (type)*: các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học (bộc lộ, giải bày tình cảm), văn bản nghị luận (thuyết phục), văn bản thông tin (thông báo, giao dịch,...).

– *Loại văn học (genre)*: loại hình văn bản văn học, gồm: truyện, thơ, kịch, kí.

– *Năng lực ngôn ngữ*: khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói và nghe.

– *Năng lực văn học*: một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ, là khả năng nhận biết, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mỹ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.

– *Ngữ liệu*: từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học.



- *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*: những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần biểu nghĩa trong giao tiếp.
- *Thể loại văn học*: mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: thần thoại, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết, ca dao, ngâm khúc, bi kịch, hài kịch,...
- *Văn bản biểu cảm*: văn bản chủ yếu dùng để thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- *Văn bản đa phương thức*: văn bản có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh.
- *Văn bản miêu tả*: văn bản chủ yếu dùng để miêu tả.
- *Văn bản nghị luận*: văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó.
- *Văn bản nhật dụng*: văn bản chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hàng ngày.
- *Văn bản thông tin*: văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.
- *Văn bản thuyết minh*: văn bản chủ yếu được dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng.
- *Văn bản tự sự*: văn bản chủ yếu dùng để kể lại một sự việc.

### **b) Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt**

Chương trình môn Ngữ văn sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của HV. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương, sao cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HV.

<b>Mức độ</b>	<b>Động từ mô tả mức độ</b>
<b><i>Biết</i></b>	đọc thuộc lòng (bài thơ, đoạn văn,...); kể lại (câu chuyện đã đọc, sự việc đã chứng kiến,...); nhận biết (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại; tính toàn vẹn, chỉnh thể của văn bản; lí lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ,...)
<b><i>Hiểu</i></b>	nhận biết, phân tích (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng,...); hiểu,

<b>Mức độ</b>	<b>Động từ mô tả mức độ</b>
	xác định (đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo,...); phân tích (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại,...); hiểu (chủ đề, thông tin cơ bản,...); giải thích (tác dụng của biện pháp tu từ,...); tóm tắt (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...); nhận xét, đánh giá (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết,...)
<b>Vận dụng</b>	vận dụng (kiến thức tiếng Việt, văn học, kinh nghiệm,...); so sánh (nhân vật, văn bản,...); liên hệ (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); viết (đoạn văn, văn bản,...); thuyết trình, trình bày (vấn đề, ý kiến, bài giới thiệu, báo cáo nghiên cứu,...)

## 2. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học):

Chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn thực hiện từ lớp 10 – lớp 12 với thời lượng dành cho mỗi lớp là 105 tiết/năm học; thực hiện trong 35 tuần/năm học; 04 tiết/tuần. Mỗi lớp có thêm 35 tiết cho các chuyên đề học tập lựa chọn.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do GV chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng (trọng tâm là rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng).
- Giữa các kiểu, loại văn bản đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho đọc văn bản văn học).
- Giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kĩ năng đọc); cụ thể thời lượng

tiết học dành cho các kĩ năng ở từng lớp như sau:

<b>Nhóm lớp</b>	<b>Đọc</b>	<b>Viết</b>	<b>Nói và nghe</b>	<b>Đánh giá định kì</b>
Từ lớp 10 đến lớp 12	60	25	12	8

c) Phân bổ số tiết cho các chuyên đề học tập ở mỗi lớp như sau:

<b>Chuyên đề học tập</b>	<b>Lớp 10</b>	<b>Lớp 11</b>	<b>Lớp 12</b>
Chuyên đề 10.1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian	10		
Chuyên đề 10.2. Sân khấu hoá tác phẩm văn học	15		
Chuyên đề 10.3. Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc 1 tiểu thuyết	10		
Chuyên đề 11.1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại		10	
Chuyên đề 11.2: Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại		15	
Chuyên đề 11.3: Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học		10	
Chuyên đề 12.1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại và hậu hiện đại			10
Chuyên đề 12.2. Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học			15
Chuyên đề 12.3. Tìm hiểu phong cách sáng tác của một khuynh hướng văn học: Cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn.			10

### 3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu của môn Ngữ văn thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Ngoài ra, khuyến khích GV và HV tự trang bị thêm các tủ sách tham khảo, có các loại văn bản gồm: văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; có đủ các hình thức sách truyện, sách truyện tranh. Trong mỗi loại văn bản có đủ các tiểu loại: văn bản văn học gồm truyện, thơ, kịch, kí; văn bản nghị luận gồm nghị luận văn học và nghị luận xã hội; văn bản thông tin gồm văn bản thuyết minh và văn bản nhật dụng. Một số tranh ảnh như chân dung các nhà văn lớn có trong chương trình; tranh ảnh minh họa cho nội dung, nghệ thuật của một số tác phẩm lớn.

Những trung tâm GDTX có điều kiện cần nối mạng Internet, có máy tính, màn hình và máy chiếu (projector); trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Việt; các CD, video clip có nội dung giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước, quê hương của các nhà văn (để dạy và học văn bản thuyết minh); một số bộ phim được chuyển thể từ các tác

phẩm văn học hoặc các CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học; các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu dạy học hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học; các sách giáo khoa Ngữ văn, sách văn học và các tài liệu giáo dục văn học dạng điện tử.

#### **4. Yêu cầu lựa chọn văn bản (ngữ liệu)**

Ngoài việc bảo đảm các tiêu chí về nội dung giáo dục, ngữ liệu dạy học trong môn Ngữ văn cần bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa văn bản văn học với văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Trong văn bản văn học, chú ý bảo đảm sự cân đối tương đối giữa các thể loại cơ bản (truyện, thơ, kí, kịch), giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa văn học dân gian và văn học viết, giữa văn học dân tộc Kinh và văn học dân tộc thiểu số, giữa văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, giữa Đông và Tây. “Sự cân đối” được hiểu là một tỉ lệ thích hợp, chứ không phải có tỉ lệ bằng nhau. Ngữ liệu cho tất cả các lớp đều phải có văn bản truyện và thơ. Ngoài truyện và thơ, mỗi cấp học đều phải có văn bản kí hoặc kịch.. Hạn chế hiện tượng một văn bản được sử dụng lặp lại ở nhiều lớp học, cấp học khác nhau.

b) Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của chương trình. Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng năm học. Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm GV có thể giúp HV tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho HV có cơ hội đọc trực tiếp và trọn vẹn những tác phẩm được chọn học. Hạn chế việc dạy học trích đoạn, trừ trường hợp những tác phẩm văn học có dung lượng lớn như tiểu thuyết, hồi kí, sử thi, ví dụ: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

c) Bảo đảm kế thừa và phát triển các chương trình môn Ngữ văn đã có. Chương trình dựa vào 9 tác gia và các tác phẩm văn học được học trong chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn và bổ sung một số tác giả, tác phẩm có vị trí quan trọng, tiêu biểu cho thành tựu văn học dân tộc qua các giai đoạn để dạy học trong nhà trường với ba cấp độ: tác phẩm bắt buộc (tác giả sách giáo khoa và GV bắt buộc thực hiện theo quy định của chương trình); tác phẩm bắt buộc lựa chọn (tác giả sách giáo khoa bắt buộc lựa chọn tác phẩm của tác giả có tên trong danh mục quy định của chương trình); tác phẩm gợi ý lựa chọn (tác giả sách giáo khoa tự lựa chọn tác phẩm theo danh mục gợi ý của chương trình). Riêng với 3 tác giả Nguyễn Trãi, Nguyễn

Du và Hồ Chí Minh ở cấp THPT có thêm bài khái quát giới thiệu về tác gia văn học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và danh sách các tác phẩm bắt buộc, tác phẩm bắt buộc lựa chọn được quy định, tác giả sách giáo khoa chọn thêm những văn bản phù hợp được khuyến nghị trong hoặc ngoài danh mục gợi ý ở cuối chương trình. GV và HV được chọn đọc một số văn bản mở rộng phù hợp với yêu cầu của chương trình và lứa tuổi để thảo luận trong nhóm, trong lớp.

### **Gợi ý danh mục văn bản (ngữ liệu) lựa chọn ở cấp THPT**

#### ***Truyện, tiểu thuyết***

- *AQ chính truyện* hoặc *Thuốc, Cố hương* (Lỗ Tấn)
- *Đất* (Anh Đức)
- *Người thầy đầu tiên* (C. Aitmatov)
- *Chiếc thuyền ngoài xa, Mảnh trăng cuối rừng, Bến quê* (Nguyễn Minh Châu)
- *Chí Phèo, Đời thừa* (Nam Cao)
- *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)
- *Đăm Săn* (Sử thi Tây Nguyên)
- *Em bé thông minh* (Cổ tích Việt Nam)
- *Em Dìn* (Hồ Dzếnh)
- *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)
- *Herakles đi tìm táo vàng* (Thần thoại Hy Lạp)
- *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái)
- *Mây trắng còn bay* (Bảo Ninh)
- *Mẫn và tôi* hoặc *Trước giờ nổ súng* (Phan Tứ)

- *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải)
- *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng)
- *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp)
- *Những đứa con trong gia đình* hoặc *Ở xã Trung Nghĩa* (Nguyễn Thi)
- *Người trong bao* (A. Chekhov)
- *Odysseus* (Homer)
- *Ông già và biển cả* (E. Hemingway)
- *Số đỏ* (Vũ Trọng Phụng)
- *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung)
- *Thủy nguyệt* (Y. Kawabata)
- *Trăm năm cô đơn* (G. Marquez)
- ...

***Thơ, truyện thơ, phú, văn tế***

- *Xuất dương lưu biệt* (Phan Bội Châu)
- *Bài ca ngất ngưỡng* (Nguyễn Công Trứ)
- *Bảo kính cảnh giới số 43* (Nguyễn Trãi)
- *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm)
- *Bích Câu kì ngộ* (Truyện thơ Nôm, Khuyết danh)
- *Chiều biên giới* (Lò Ngân Sùn)
- *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)

- *Dấu chân qua trăng cỏ* hoặc *Đàn ghi ta của Lorca* (Thanh Thảo)
- *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi)
- *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử)
- *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du)
- *Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* (Lý Bạch)
- *Lính đảo hát tình ca trên đảo* (Trần Đăng Khoa)
- *Nhàn* (Nguyễn Bình Khiêm)
- *Nhớ* (Nông Quốc Chân)
- *Nói vòng tay lớn* hoặc *Nhớ mùa thu Hà Nội* (Trịnh Công Sơn, phần lời? ca từ)
- *Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu)
- *Quê hương* (Giang Nam)
- *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát)
- *Sóng* (Xuân Quỳnh)
- *Xống chụ xon xao* (Truyện thơ dân tộc Thái)
- *Tạm biệt Huế* (Thu Bồn)
- *Tặng phẩm của dòng sông* (Inrasara)
- *Tây Tiến* (Quang Dũng)
- *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh, Ông nghè tháng Tám* (Nguyễn Khuyến)
- *Thu hứng 1* (bài 1) hoặc *Đặng cao* (Đỗ Phủ)
- *Tình ca ban mai* hoặc *Tiếng hát con tàu* (Chế Lan Viên)

- *Tôi yêu em* (A. Puskin)
- *Tràng giang* (Huy Cận)
- *Truyện Kiều* (Truyện thơ Nôm, Nguyễn Du)
- *Từ ấy, Việt Bắc, Ta đi tới* (Tô Hữu)
- *Tự do* (P. Eluard)
- *Tự tình 2* (Hồ Xuân Hương)
- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Chạy Tây* (Nguyễn Đình Chiểu)
- *Vội vàng, Nguyệt cầm, Thơ duyên* (Xuân Diệu)
- ...

### ***Kịch, tuồng, chèo***

- *Âm mưu và tình yêu* (F. Sile)
- *Giấc mộng đêm hè* (W. Shakespeare)
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)
- *Kim Nham* (Chèo dân gian)
- *Mùa hè ở biển* (Xuân Trình)
- *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* (Tuồng dân gian Việt Nam)
- *Rừng trúc* (Nguyễn Đình Thi)
- *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng)
- ...



**Kí**

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)
- *Cơm thầy, cơm cô* (Vũ Trọng Phụng)
- *Đi trên đường Hà Nội* (Đỗ Chu)
- *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân)
- *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* (Đặng Thuỳ Trâm)
- *Quyết định khó khăn nhất* (Trích *Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử* – Võ Nguyên Giáp)
- *Sóng để kể lại* (G. Marquez)
- *Thần linh ơi, ta có các già làng* (Trung Trung Đỉnh)
- *Thủ tục làm người còn sống* (Minh Chuyên)
- *Thượng kinh kí sự* (Hải Thượng Lãn Ông)
- *Trong giông gió Trường Sa* (nhiều tác giả)
- *Việc làng* (Ngô Tất Tố)
- ...

**Văn nghị luận**

- Bài nghị luận xã hội: bàn về một vấn đề xã hội.
- Bài nghị luận văn học: phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.
- *Câu hiền chiếu* (Ngô Thì Nhậm)
- *Bình Ngô đại cáo, Thư lại dụ Vương Thông* (Nguyễn Trãi)
- *Hẹn hò với định mệnh* (J. Nehru)

- *Hiền tài là nguyên khí quốc gia* (Thân Nhân Trung)
- *Một thời đại trong thi ca* (Hoài Thanh, Hoài Chân)
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc* (Phạm Văn Đồng)
- *Thơ còn tồn tại được không* (Diễn từ Nobel 1975 của E. Montale)
- *Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức* (Nguyễn An Ninh)
- *Tôi có một giấc mơ* (L. King)
- *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh)
- *Trích diễm thi tập tự (Tựa Trích diễm thi tập – Hoàng Đức Lương)*
- *Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người* (Hoàng Ngọc Hiến)
- ...

### ***Văn bản thông tin***

- *Văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.*
  - *Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phần tài liệu tham khảo.*
  - *Văn bản đa phương thức (kịch bản sân khấu hoá một tác phẩm có trong chương trình môn Ngữ văn được chuyển thể).*
-